

**TÒA ÁN NHÂN D
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST.

Ngày: 02-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân D: Bà Trần Thị Lệ

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân D thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân D thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST–DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST – DS ngày 09/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn K**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn D**, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm O, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn L**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: khóm O, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn D, sinh năm 1995 (có mặt)

Ông Nguyễn C, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm T, phường R, thị xã N, Sóc Trăng.

Ông Nguyễn VL, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Ông Huỳnh H, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Anh Nguyễn NT, sinh năm 1988 (có mặt)
Anh Nguyễn N, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: khóm O, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
Ông Lê P, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
Anh Phạm Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn K trình bày:

Khoảng đầu tháng 10/2018 âm lịch thì ông Đ có điện thoại hỏi ông còn lúa giống ST24 không thì ông nói còn, ông Đ kêu ông giao khoảng 700-800 ký giống nhưng ông nói chỉ còn hơn 600 ký, ông Đ kêu ông giao giống để ai ngâm trước sạ trước. Rồi kêu ông chở giống đến quán Kim Luyến ở Phường R, thị xã N có người nhận. Đến ngày 05/10/2018 âm lịch (nhằm ngày 12/11/2018 dương lịch) ông có chở số lượng giống là 660 ký lúa giống đến quán Kim Luyến, sau đó ông Đ đòi kêu ông giao giống ở quán Hoa Mai. Đến quán Hoa Mai thì không có người nhận giống nên ông có điện thoại cho ông Đ, ông Đ kêu ông chờ sẽ có người nhận giống, rồi ông Đ mới đến nhận giống, còn kêu ông để giống vào bên trong hàng rào của quán Hoa Mai. Giao giống xong thì ông không có đem giấy tờ theo nên ông có vô quán Hoa Mai xin một tờ giấy rồi ông ghi biên nhận số lượng giống là 660 ký cho ông D ký nhận vô. Còn ông D và ông Đ thỏa thuận bán với nông dân như thế nào thì ông không biết. Sau đó ông không nhớ ngày ông D có điện thoại cho ông nói còn thiếu 180 ký lúa giống nên ông có nhờ chị ruột của ông là bà Nguyễn L nhà ở gần với ông D chở giống về nhà ông D đếm số lượng là 180 ký giao cho ông D. Ông có ghi thêm vào biên nhận 180 ký lúa giống là ghi bổ sung sau. Ông thỏa thuận với ông D bán thiếu đến cất lúa vụ đông xuân đó xong mới trả tiền, nếu trả tiền thì ông cho ông D mỗi ký là 1.000 đồng nhưng đến nay thì ông D không chịu trả tiền cho ông, giống mỗi ký là 17.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu ông D là người nhận giống của ông thì phải có trách nhiệm trả tiền giống cho ông, số lượng giống tổng cộng là 840 ký, giá mỗi ký 17.000 đồng, tổng tiền là 14.280.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm tám chục nghìn đồng*).

2/ Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn D trình bày:

Ông Phạm Đ có kêu ông hỏi trong dân xem có ai làm giống lúa ST24 không, nếu có thì kiếm giống cho họ làm. Ông mới hỏi trong dân là có một số người đồng ý làm lúa ST24 nên ông mới nói lại với ông Đ, ông Đ thỏa thuận với những người nông dân đưa giống cho họ làm rồi khi cất lúa mua lại. Ngày 05/10/2018 âm lịch ông Đ kêu ông đến quán Hoa Mai nhận giống thì ông K có chở giống đến giao, ông không nhận giống của ông K nên ông K và ông Đ điện

thoại nói gì với nhau, sau đó ông Đ nói với ông là giống của ông Đ nên ông mới chịu nhận giống, còn số lượng giống bao nhiêu thì ông không biết. Ông có ký vào biên nhận lập ngày 05/10/2018 của ông K cung cấp cho Tòa án nhưng ông ký chỉ để nhận số giống là 120 ký của ông. Sau đó thì ông K có gửi cho chị ông K là bà Loan số giống 180 ký, ông nhận 120 ký, còn 60 ký thì ông có nói với con ông T tên Nguyễn NT đến nhà bà L để nhận giống cho ông T. Ông chỉ nhận số giống của ông K là 120 ký, giá mỗi ký là 17.000đ nên ông chỉ đồng ý trả cho ông K số tiền giống là 2.040.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn T đã nhận số giống 60 ký của ông K thì ông T tự chịu trách nhiệm đối với ông K chứ ông không có bán lúa cho ông T nên ông không có yêu cầu gì đối với ông T. Còn những người ông yêu cầu xác minh thì ông cũng không có yêu cầu gì đối với họ vì ông không có bán giống cho họ.

3/ Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T trình bày:

Vụ lúa đông xuân 2018-2019 thì ông có làm giống lúa ST24, ông mua giống của ông Nguyễn D, số lượng giống là 60 ký, ông có kêu con ông đi lấy giống, ông D thỏa thuận với ông là khi lúa chín thì mua lại, nhưng đến khi cắt lúa ông D lại không mua lúa của ông làm ông bị thất thu, ông chưa trả tiền lúa giống cho ông D vì ông D không thực hiện đúng thỏa thuận. Nếu những người cùng mua lúa giống của ông D vụ đó đồng ý trả hết cho ông D thì ông mới đồng ý trả tiền giống cho ông D.

4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L trình bày tại biên bản hòa giải lập ngày 29/7/2020 và biên bản lấy khai ngày 30/7/2019:

Bà không nhớ thời gian chính xác nhưng bà có mua lúa giống ST24 của em bà là Nguyễn K về để sạ lúa, khi bà ra nhà K để chở lúa giống về nhà bà thì K có gửi cho bà số lúa giống 180 ký đem về giao cho ông Nguyễn D dùm, bà có mượn chiếc võ của ông D đi chở lúa giống về, mỗi bao giống K đưa cho bà là 40 ký, bà mang giống lên nhà còn để lại 4,5 bao lúa dưới võ của ông D, khi đó bà có kêu con bà tên Nguyễn TD đem lúa giống qua nhà ông D, bà đã giao cho ông D 180 ký lúa giống, ông D giao lại cho ai bà không biết.

5/ Tại phiên tòa người làm chứng anh Nguyễn TD trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn L, mẹ anh có kêu anh chở 180 ký lúa giống qua cho ông D, anh là người chở giống.

6/ Tại phiên tòa người làm chứng anh Nguyễn NT trình bày:

Ông D có kêu anh lên lấy lúa giống cho cha anh, anh đến nhà bà L nhận 60 ký lúa giống về cho cha anh, còn việc mua giống là do cha anh thỏa thuận mua với ông D.

7/ Tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn C trình bày:

Ông ba D có kêu ông lại quán Hoa Mai lấy giống về làm, ông có kêu vợ ông đến quán Hoa Mai để lấy 150 ký, mỗi ký giá 17.000 đồng, ông mua giống là mua của ông D, khi bán giống thì ông D giao kèo là đến khi lúa chín thì mua lại nhưng đến khi cắt lúa thì ông D mua lại với giá thấp hơn giá thỏa thuận nên ông chưa có trả tiền giống cho ông D.

8/ Theo biên bản lấy lời khai ông Nguyễn VL lập ngày 26/5/2020, ông VL trình bày:

Ông chỉ ở xóm không có bà con hay mâu thuẫn gì với các đương sự. Vụ lúa đông xuân năm 2018-2019 thì ông và ông D có thỏa thuận ông D bán giống cho ông, giống ST24, giá mỗi ký là 17.000 đồng, ông D có điện thoại cho ông kêu ông đến quán Hoa Mai để nhận giống, ông đã nhận 100 ký, ông làm đến khi lúa chín thì thu mua lại của ông, nhưng khi lúa chín thì ông D thu mua lại với giá thấp hơn giá thỏa thuận nên ông không đồng ý trả tiền giống cho ông D.

9/ Theo biên bản lấy lời khai ông Huỳnh H lập ngày 26/5/2020, ông H trình bày:

Ông không biết ông K, ông chỉ biết ông D. Ông có đến quán Hoa Mai để nhận lúa giống do ông D là người điện thoại cho ông kêu ông đến nhận giống, tại đây thì ông có nhận 100 ký giống ST24, giá mỗi ký là 17.000 đồng, khi đến nhận giống thì có mặt ông Đ và ông D luôn, theo ông thì giống này là của ông Đ, còn ông D chỉ là người dẫn đến cho ông Đ thỏa thuận với D, khi mua giống phía ông Đ thỏa thuận bán thiếu đến khi thu hoạch lúa sẽ mua lại với giá 6.000 đồng/ký nhưng khi lúa chín thì mua với giá thấp, thậm chí đề hoài không đến mua nên ông chưa trả tiền giống.

10/ Theo biên bản lấy lời khai ông Lê P lập ngày 23/9/2020, ông P trình bày:

Ông chỉ ở xóm không có bà con hay mâu thuẫn gì với các đương sự. Vụ lúa đông xuân năm 2018-2019 thì ông có làm giống lúa ST24, ông và ông D có thỏa thuận ông D bán lúa cho ông mỗi ký giống là 17.000 đồng, khi lúa chín thì ông D thu mua lại giá mỗi ký lúa là 7.500 đồng, không bao tiêu phân, thuốc. Ông D nhà trong kinh nên ông D kêu gửi giống tại quán Hoa Mai rồi các hộ dân đến nhận, ông có đến quán Hoa Mai nhận 120 ký lúa giống, đến nay ông chưa có trả tiền lúa giống bởi vì khi thu hoạch xong thì lại thu mua lại với giá 5.3000 đồng mỗi ký nên ông không đồng ý bán và trả tiền giống. Ông khẳng định ông D là người bán giống cho ông.

11/ Theo biên bản lấy lời khai ông Nguyễn N lập ngày 23/9/2020, ông N trình bày:

Ông chỉ ở xóm không có bà con hay mâu thuẫn gì với các đương sự. Vụ lúa đông xuân năm 2018-2019 thì ông có làm giống lúa ST24, ông và ông D có thỏa thuận ông D bán lúa cho ông mỗi ký giống là 17.000 đồng. Ông với ông D có hợp đồng ông D bán giống cho ông, bao tiêu với giá 7.000 đồng/ký. Ông D có điện thoại cho ông đến quán Hoa Mai để lấy giống ST24, ông có lấy 100 ký hay 110 ký ông không nhớ rõ lắm, đến ngày cắt lúa chín thì ông D nói ông K chỉ mua với giá 5.400 đồng/ký, không như thỏa thuận ban đầu, còn hẹn lại vài ngày mới thu hoạch nên ông bán cho hộ khác và chưa trả có tiền giống cho ông D.

12/ Tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2019 ông Phạm Đ trình bày:

Ông có mối quan hệ làm ăn mua bán với ông K và ông D, ông chỉ là người trung gian giới thiệu cho ông K và ông D mua bán lúa giống với nhau, ông không có mối quan hệ bà con gì với hai ông này. Ông D có điện thoại nói với

ông nhờ ông xem chỗ nào có lúa giống ST24 kiếm cho ông để ông đưa cho D làm, ông có làm ăn chung với ông K nên ông mới điện thoại hỏi ông K còn giống không, đem giao cho ông D số lúa giống từ 700-800 ký, khi ông K đem giống đến quán Hoa Mai để giao thì ông có nói với ông D đến đó nhận giống. Còn việc giao giống giữa ông K và ông D số lượng bao nhiêu thì ông không biết rõ. Việc ông D giao giống cho ông K như thế nào ông cũng không rành, còn đối với số lúa giống giao lần sau hai ông đó tự liên hệ, ông không có biết. Giống là của ông K nên ông D trả tiền cho ông K, ông không có ý kiến gì hết.

13/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông D trả cho ông K số tiền mua bán lúa giống đối với 840 ký lúa, mỗi ký là 17.000 đồng, quy ra tiền là 14.280.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L và người làm chứng vắng mặt nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa các đương sự có mặt và kiểm sát viên đều yêu cầu xử vắng mặt họ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông K yêu cầu bị đơn ông D trả cho ông số tiền giống của 840 ký, mỗi ký 17.000 đồng, số tiền giống là 14.280.000 đồng. Bị đơn ông D chỉ đồng ý trả cho ông K số tiền 120 ký giống là 2.040.000 đồng đối với số giống ông đã nhận vì ông cho rằng không có nhận số giống 660 ký ông K để tại quán Hoa Mai và 60 ký của ông T nhận giống của ông K thì ông T phải chịu trách nhiệm. HĐXX nhận thấy, *thứ nhất*, ngày 05/10/2018 âm lịch ông K có đem số lúa giống 660 ký đến quán Hoa Mai giao giống cho ông D nhận, ông D cho rằng ông K có đem giống đến quán Hoa Mai nhưng số ký bao nhiêu ông không biết, tuy nhiên ông đã ký vào biên nhận do ông K viết ngày 05/10/2018 số lượng giống là 660 ký, ông D cho rằng ông ký để nhận 120 ký và còn biên nhận khác mà ông K có liệt kê tên từng người nhận giống nhưng ông D không cung cấp được biên nhận nào khác ngoài biên nhận ông K cung cấp và không có

chứng cứ gì chứng minh ông ký vào biên nhận chỉ để nhận số lúa giống 120 ký. Đồng thời, những người làm chứng ông C, ông VL, ông H, ông P, ông N đều xác định các ông này có đến quán Hoa Mai để nhận lúa giống mua từ ông D, do ông D là người điện thoại họ đến đây để nhận giống, thỏa thuận bán giống thiếu đến mùa vụ và thu mua lại lúa chín sau khi cắt nhưng ông D không thu mua lúa lại của họ nên đến nay thì họ vẫn chưa trả tiền giống cho ông D. Căn cứ vào biên nhận ngày 05/10/2018 và lời khai của những người làm chứng có cơ sở xác định ông D có nhận số lúa giống của ông K là 660 ký giống. *Thứ hai*, ông D cho rằng ông T mua 60 ký lúa giống của ông K thì ông T phải chịu trách nhiệm nhưng ông K giao giống cho ông D, còn ông T cũng nói mua lúa của ông D, nên ông D phải là người chịu trách nhiệm trả tiền giống cho người bán là ông K đối với 60 ký lúa giống mà ông D đã giao cho ông T. *Thứ ba*, ông D cho rằng mua giống của ông Đ, ông Đ thì cho rằng giống là của ông K, việc mua bán giữa ông K và ông D thì ông chỉ là trung gian. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở xác định ông K có giao cho ông D số lúa giống ST24 lần đầu giao 660 ký, lần thứ hai giao 180 ký, tổng cộng là 840 ký, mỗi ký giống là 17.000 đồng, số tiền giống là 14.280.000 đồng. Việc thỏa thuận mua bán lúa giống giữa ông K và ông D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền giống đáng lẽ sau khi hết mùa vụ thì ông D có nghĩa vụ thanh toán cho ông K nhưng đến thời điểm này ông D chưa trả tiền cho ông K như vậy đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc ông K yêu cầu ông D trả tiền lúa giống là phù hợp quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Còn việc thỏa thuận mua bán giống giữa ông Đ và ông D cũng như việc mua bán giống giữa ông Đ, ông D và những người làm chứng (người nhận giống) như thế nào thì HĐXX không đặt ra xem xét do các đương sự chưa có yêu cầu.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn ông D phải chịu án phí D sự sơ thẩm là 14.280.000đồng x 5% = 714.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng D sự;

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật D sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K về việc yêu cầu ông Nguyễn D trả số tiền mua bán lúa giống.

Buộc ông Nguyễn D trả cho ông Nguyễn K số tiền giống là 14.280.000đ (*Mười bốn triệu, hai trăm tám chục nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông K yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông D còn phải trả lãi cho ông K theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí:

Ông Nguyễn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 714.000 đồng (*Bảy trăm mười bốn nghìn đồng*).

Ông Nguyễn K được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu số 0007085 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án D sự thị xã Ngã Năm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án D sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đặng Thị Vàng